

Số: 1825/QĐ-UBND

Sóc Sơn, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn,
huyện Sóc Sơn đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Chương trình số 02-Ctr/TU của Thành ủy Hà Nội về Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao đời sống nhân dân;

Căn cứ Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 06/10/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện Chương trình 02-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy Hà Nội về Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 4212/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng huyện Sóc Sơn tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quy hoạch rừng phòng hộ bảo vệ môi trường huyện Sóc Sơn được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 29/5/2008;

Căn cứ Quyết định số 6726/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND huyện Sóc Sơn về việc giao nhiệm vụ thực hiện điều chỉnh nhiệm vụ, quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Bắc Sơn, tỷ lệ 1/5.000;

Căn cứ Quyết định số 9438/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND huyện Sóc Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4704/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của UBND huyện Sóc Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND huyện Sóc Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện lập quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000;

Căn cứ Quyết định số 148a/QĐ-UBND ngày 18/11/2017 của UBND xã Bắc Sơn về việc chi định nhà thầu lập quy hoạch.

Căn cứ Quyết định số 8569/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của UBND huyện Sóc Sơn về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn, tỷ lệ 1/5000; Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 về việc bổ sung thành viên Hội đồng thẩm định; Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 về việc điều chỉnh phân công nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng thẩm định; Quyết định số 4792/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng thẩm định; Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng thẩm định.

Căn cứ Văn bản số 3302/QHKT-HTKT ngày 31/5/2017 của Sở Quy hoạch Kiến trúc về việc hướng dẫn công tác rà soát điều chỉnh quy hoạch chung xã đã được phê duyệt và bổ sung quy hoạch chi tiết trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Văn bản số 5227/QHKT-P2 ngày 27/8/2018 của Sở Quy hoạch kiến trúc về việc góp ý nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/11/2018 của Hội đồng nhân dân xã Bắc Sơn về việc thông qua đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 27/5/2020 của UBND xã Bắc Sơn về việc thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 01/QLĐT-QH ngày 01/6/2020 của Phòng Quản lý Đô thị về kết quả thẩm định đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 16/6/2020; Thông báo số 01/TB-HĐTD ngày 18/6/2020 của Hội đồng thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn đến năm 2030.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đô thị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000, do Công ty cổ phần phát triển giáo dục và Quản lý tài nguyên - môi trường Bảo Long Việt Nam lập với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới: Thuộc địa giới hành chính xã Bắc Sơn, có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh Thái Nguyên;
- Phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phía Nam giáp xã Nam Sơn và xã Hồng Kỳ- huyện Sóc Sơn;
- Phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Quy mô lập quy hoạch: Quy mô nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi địa giới hành chính xã Bắc Sơn, cụ thể:

- Diện tích đất tự nhiên: Khoảng 3.005,4 ha.
- Quy mô dân số đến năm 2030: Khoảng 21.002 người.

2. Mục tiêu, tính chất, chức năng của xã:

2.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011, Quy hoạch chung xây dựng huyện Sóc Sơn, tỷ lệ 1/10.000 được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 29/6/2015, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới của Chính phủ và các quy hoạch cấp trên khác đã được duyệt. Việc lập Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định của Chính phủ.

- Lập đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn trên cơ sở rà soát đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt đã đến kỳ điều chỉnh theo quy định phải đảm bảo tính kế thừa và tuân thủ các đồ án quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt; có đánh giá các bất cập còn tồn tại nhằm đưa ra các giải pháp quy hoạch phù hợp.

- Định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển dịch vụ, xác định các chỉ tiêu phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của toàn xã, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái... nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước...); xây dựng, cải tạo công trình; chỉnh trang làng xóm, cảnh quan.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

- Xây dựng quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được phê duyệt và quy định của pháp luật.

2.2. Tính chất, chức năng của xã:

Xã Bắc Sơn là xã thuộc phía Bắc của huyện Sóc Sơn (thuộc vùng 8 theo Quy hoạch chung xây dựng huyện Sóc Sơn, khu vực đồi gò, một phần núi Sóc và sản xuất nông nghiệp). Là vùng nông thôn kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng, tận dụng lợi thế cảnh quan thiên nhiên vùng núi Sóc và phát triển nông nghiệp, trang trại gà đồi, sản xuất chè gắn liền với du lịch sinh thái nông nghiệp.

3. Tiền đề, quy mô quy hoạch:

4.1. Quy mô dân số:

- Hiện trạng: Khoảng 16.958 người;
- Đến năm 2030: Khoảng 21.002 người.

3.2. Quy mô và cơ cấu lao động:

- Hiện trạng: Khoảng 10.729 người.
- Đến năm 2030: Khoảng 13.087 người.

3.3. Quy mô đất đai chủ yếu:

Đơn vị: Ha

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)
	Tổng diện tích tự nhiên	3.005,41	3.005,41	3.005,41
1	Nhóm đất nông nghiệp	1.626,19	1.796,44	1.888,80
2	Đất xây dựng	1.217,32	1.047,07	954,71
3	Đất khác	161,90	161,90	161,90

3.4. Quy mô xây dựng:

Theo Bộ Tiêu chí nông thôn mới đã được ban hành tại các Quyết định: số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016; số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các tiêu chí liên quan đến quy hoạch xây dựng.

Biểu tổng hợp quy mô đất xây dựng đến năm 2030:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)
	Đất xây dựng		1.217,32	1.047,07	954,71
1	Đất ở	ONT	724,08	640,4	547,8
2	Đất công cộng	CCC	27,24	16,94	17,48
2.1	Đất trụ sở cơ quan	TSC	0,8	0,8	0,71
	Trụ sở ủy ban nhân dân		0,8	0,8	0,71
2.2	Đất Giáo dục	DGD	6,65	9,23	9,23
	Trường mầm non		2,88	4,06	4,06
	Tiểu học		2,63	3,03	3,03
	Trung học cơ sở		1,14	2,14	2,14
2.3	Đất Y tế	DYT	0,21	0,71	0,71
2.4	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,62	2,37	3
	Nhà văn hóa xã				
	Nhà văn hoá thôn (8 thôn)		1,62	2,37	3
2.5	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			
2.6	Đất chợ	DCH	0,9	2,31	2,31
2.7	Buru điện	DBV	0,02	0,02	0,02
2.9	Đất công trình công cộng khác	CCC	17,04	1,5	1,5

3	Đất phục vụ nhu cầu địa phương			13,37	13,37
4	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	CX-DTT	3,83	14,72	23,31
	Sân thể thao xã	DTT	0,3	0,56	0,56
	Sân thể thao các thôn	DTT	3,53	5,26	5,45
	Đất cây xanh	CX-DTT		8,9	17,3
5	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	TON-TIN	1,44	1,44	1,44
6	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	SKK-SKN-SKC	15,5	17,5	19,48
7	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	30,32		
8	Đất xây dựng các chức năng khác			2,5	2,5
9	Đất hạ tầng kỹ thuật		191,58	255,9	313,43
9.1	Đất giao thông	DGT	126,66	160,3	180,13
9.2	Đất xử lý chất thải rắn	DRA	58,13	80,5	118,2
9.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	6,79	15,1	15,1
9.4	Hạ tầng kỹ thuật khác				
10	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	DTN-PNK			
11	Đất an ninh, Quốc phòng	CQP-CAN	223,33	84,3	15,9

4. Yêu cầu về các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

4.1. Các chỉ tiêu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Hiện trạng (m ² /người)	Đến 2025 (m ² /người)	Đến 2030 (m ² /người)
1	Đất ở điểm dân cư	426,98	334,18	260,83
2	Đất công cộng	16,06	8,84	8,32
3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	2,26	7,68	11,10
4	Đất xây dựng các chức năng khác		1,30	1,19
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	112,97	133,54	149,24

4.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

Nội dung	Chỉ tiêu
Nghĩa trang nhân dân	- Diện tích đất xây dựng cho một mộ phần: + Hung táng và chôn cất một lần: $\leq 5 \text{ m}^2/\text{mộ}$ + Cát táng: $\leq 3 \text{ m}^2/\text{mộ}$

Nội dung	Chỉ tiêu
Khu xử lý chất thải rắn	- Khoảng cách ly vệ sinh: + Đến ranh giới khu dân cư: ≥ 3 km + Đến công trình xây dựng khác: ≥ 1 km
Đường giao thông nông thôn	- Đường từ huyện đến xã, đường liên xã, đường từ xã đến thôn, xóm: + Chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới: $\geq 3,5$ m/làn xe + Chiều rộng lề và lề gia cố: $\geq 1,5$ m + Chiều rộng mặt cắt ngang đường: $\geq 6,5$ m - Đường thôn, xóm, đường từ thôn ra cánh đồng: + Chiều rộng mặt đường: $\geq 3,5$ m + Chiều rộng lề và lề gia cố: $\geq 0,75$ m + Chiều rộng mặt cắt ngang đường: $\geq 5,0$ m - Đường dân sinh phục vụ đi lại của người dân giữa các cụm dân cư: + Chiều rộng mặt đường: $\geq 1,5$ m
Cấp điện	- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: + Điện năng: 200 KWh/người/năm + Phụ tải: ≥ 150 W/người - Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng: + $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt của xã
Cấp nước	Tiêu chuẩn cấp nước: + Cấp trang thiết bị vệ sinh và mạng lưới đường ống: ≥ 80 Lit/người/ngày + Có đường ống và vòi nước dẫn đến hộ gia đình: ≥ 60 Lit/người/ngày + Sử dụng vòi nước công cộng: ≥ 40 Lit/người/ngày
Thoát nước	Thu gom được $\geq 80\%$ lượng nước cấp

5. Kế hoạch sử dụng đất: Các định hướng quy hoạch sử dụng đất của xã được xây dựng trên cơ sở các yêu cầu

- Khai thác tối đa hiệu quả sử dụng đất.
- Tận dụng tối đa đất chưa sử dụng, đất xen kẹt, đất sản xuất hiệu quả thấp sang đất phi nông nghiệp hiệu quả cao hơn.
- Phân kỳ sử dụng đất theo giai đoạn (theo bảng sau):

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)
Tổng diện tích tự nhiên			3.005,41	3.005,41	3.005,41
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	1.626,19	1.796,44	1.888,80
1.1	Đất trồng lúa	LUA	910,02	1.452,77	1.518,60
1.2	Đất trồng trọt khác		405,17		
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	23,22		

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	287,78	343,67	370,20
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH			
2	Đất xây dựng		1.217,32	1.047,07	954,71
2.1	Đất ở	ONT	724,08	640,40	547,80
2.2	Đất công cộng	CCC	27,24	16,94	17,48
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan	TSC	0,80	0,80	0,71
	Trụ sở ủy ban nhân dân		0,80	0,80	0,71
2.2.2	Đất Giáo dục	DGD	6,65	9,23	9,23
	Trường mầm non		2,88	4,06	4,06
	Tiểu học		2,63	3,03	3,03
	Trung học cơ sở		1,14	2,14	2,14
2.2.3	Đất Y tế	DYT	0,21	0,71	0,71
2.2.4	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,62	2,37	3,00
	Nhà văn hóa xã				
	Nhà văn hoá thôn (8 thôn)		1,62	2,37	3,00
2.2.5	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			
2.2.6	Đất chợ	DCH	0,90	2,31	2,31
2.2.7	Buru điện	DBV	0,02	0,02	0,02
2.2.9	Đất công trình công cộng khác	CCC	17,04	1,50	1,50
2.3	Đất phục vụ nhu cầu địa phương			13,37	13,37
2.4	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	CX-DTT	3,83	14,72	23,31
	Sân thể thao xã	DTT	0,30	0,56	0,56
	Sân thể thao các thôn	DTT	3,53	5,26	5,45
	Đất cây xanh	CX-DTT		8,90	17,30
2.5	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	TON-TIN	1,44	1,44	1,44
2.6	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	SKK-SKN-SKC	15,50	17,50	19,48
2.7	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	30,32		
2.8	Đất xây dựng các chức năng khác			2,50	2,50
2.9	Đất hạ tầng kỹ thuật		191,58	255,90	313,43
2.9.1	Đất giao thông	DGT	126,66	160,30	180,13
2.9.2	Đất xử lý chất thải rắn	DRA	58,13	80,50	118,20
2.9.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	6,79	15,10	15,10
2.9.4	Hạ tầng kỹ thuật khác				
2.10	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	DTN-PNK			
2.11	Đất an ninh, Quốc phòng	CQP-CAN	223,33	84,30	15,90

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Hiện trạng (ha)	Đến năm 2025 (ha)	Đến năm 2030 (ha)
2.11	Đất xây dựng khác				
3	Đất khác		161,90	161,90	161,90
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng		153,81	153,81	153,81
3.2	Đất bằng chưa sử dụng		8,09	8,09	8,09

Ghi chú: Số liệu trong bảng tổng hợp sử dụng đất được xác định như sau:

- Đất rừng: Hiện trạng được xác định theo kiểm kê đất đai do UBND xã quản lý; giai đoạn đến năm 2030 phải tuân thủ theo quy hoạch rừng phòng hộ đặc dụng huyện Sóc Sơn được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định 2100/QĐ-UBND ngày 29/5/2008 (các loại đất rừng lần được trả lại theo quy hoạch rừng năm 2008 hoặc chỉ thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản).

- Đất ở hiện trạng gồm: Đất được xác định phù hợp theo bản đồ địa chính năm 1993; có dân cư sinh sống phù hợp quy hoạch chung xây dựng huyện Sóc Sơn; có dân cư sinh sống phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Sóc Sơn; các trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất ở hoặc đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận QSD đất ở. Các trường hợp còn lại được ghi nhận hiện trạng ở, chưa xác định là đất ở hiện trạng.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa bao gồm: Nghĩa trang tập trung của xã Bắc Sơn và Nghĩa trang Bắc Sơn với diện tích 10 ha cấp nhập theo Quy hoạch nghĩa trang thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 08/4/2014; Quy hoạch chung xây dựng huyện Sóc Sơn tỷ lệ 1/10.000 được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 29/6/2015. Tuy nhiên cộng đồng dân cư trên địa bàn xã không đồng thuận. UBND xã đề nghị đưa ra khỏi quy hoạch khi đến kỳ rà soát, điều chỉnh quy hoạch cấp trên.

6. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian:

Xác định các khu vực chức năng: Trung tâm xã; đất ở nông thôn mới và cải tạo chỉnh trang điểm dân cư nông thôn hiện trạng, đất di tích lịch sử và các khu chức năng khác... để làm cơ sở triển khai lập quy hoạch chi tiết 1/500 trung tâm xã.

6.1. Quan điểm lựa chọn đất:

- Khai thác triệt để, sử dụng quỹ đất vào các mục đích cụ thể, không để tình trạng còn đất trống, chưa khai thác. Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật; lấy giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất đai làm thước đo để bố trí cây trồng, vật nuôi, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu công nghiệp, thương mại, du lịch... theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước phân bổ sử dụng quỹ đất phù hợp nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ của xã, phù hợp với định hướng phát triển của huyện và vùng.

- Bên cạnh việc xác định diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần được bảo vệ nhằm đảm bảo an toàn lương thực, thì cần định hướng khu vực đất sản xuất nông nghiệp cần chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng sản xuất hàng hoá nhằm khai thác hiệu quả lợi thế của từng vùng, nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp.

- Gắn khai thác sử dụng với nhiệm vụ tái tạo, làm tăng độ phì cho đất... chống suy thoái đất, gắn lợi ích kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo đảm sử dụng đất bền vững.

- Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã nghiên cứu các phương án cơ cấu tổ chức không gian, lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và hiện trạng của xã.

- Khi tiến hành điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã, cần đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, khu trung tâm xã, khu xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác (quốc phòng, di tích lịch sử...). Khu vực (theo chức năng) đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại; khu vực đã ổn định cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

6.2. Phân khu chức năng và tổ chức không gian:

a. Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư mới và cải tạo thôn xóm cũ:

- Đất để xây dựng mới và mở rộng điểm dân cư nông thôn bao gồm:

+ Quỹ đất xây dựng nhà ở cho những hộ dân tăng thêm do sự gia tăng dân số theo tính toán dự báo của đồ án quy hoạch bao gồm: Các hộ dân tăng thêm trong các thôn do gia tăng dân số tự nhiên và các hộ dân từ nơi khác đến xã do gia tăng dân số cơ học.

+ Tái định cư cho các khu vực đất bãi ngoài đê không được phép tồn, mở rộng đường giao thông theo quy hoạch, khu vực nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường điện...

- Xác định quy mô dân số tăng thêm trong phân kỳ quy hoạch đối với xã Bắc Sơn:

+ Dân số tăng thêm năm 2025: Khoảng 1.068 người (khoảng 267 hộ).

+ Dân số tăng thêm năm 2030: Khoảng 3.022 người (khoảng 1.011 hộ).

- Quỹ đất dành cho xây dựng mới và mở rộng điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất đồng thời được lựa chọn tại những vị trí thích hợp tuân thủ quy hoạch không gian tổng thể toàn xã.

b. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, bảo tồn công trình văn hóa lịch sử, xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng cấp xã, các khu vực có tính đặc thù khác:

- Đất dành cho tổ chức hệ thống các công trình công cộng cấp xã: Cần đảm bảo đủ các chức năng hành chính - chính trị, y tế, văn hóa - thể thao, giáo dục đảm bảo bán kính phục vụ đến tất cả các điểm dân cư nông thôn (đặc biệt với các điểm trường cần đảm bảo bán kính phục vụ theo tiêu chuẩn). Các công trình công cộng xã được định hướng nghiên cứu là những công trình thấp tầng đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế công trình công cộng nhưng ngôn ngữ kiến trúc cần được lựa chọn phù hợp với cảnh quan tổng thể là một điểm dân cư nông thôn.

- Đất di tích, danh thắng: Hiện tại và trong tương lai, cần phát triển, giữ vững, bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử: đền, đình làng, các công trình lịch sử... để đảm bảo một nền văn hóa truyền thống, giữ gìn đậm đà bản sắc dân tộc. Trong định hướng quy hoạch có thể đề xuất khai thác các công trình di tích, danh thắng để khai thác du lịch đáp ứng yêu cầu hiện tại.

- Đất tôn giáo, tín ngưỡng: Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân cần được bảo đảm theo các quy định của pháp luật.

- Mở rộng các nghề truyền thống, phát triển thêm các nghề mới, khuyến khích các thành phần kinh tế, mở rộng dịch vụ thương mại từ sản xuất đến tiêu dùng phục vụ đời sống và sản xuất.

- Đất quốc phòng: Phát triển kinh tế phải gắn với bảo đảm mục tiêu phòng thủ quốc gia, giữ gìn trật tự an ninh - trật tự. Đồ án quy hoạch phải đảm bảo ưu tiên quỹ đất dành cho mục tiêu quốc phòng - an ninh.

- Đất rừng: Thực hiện theo quy hoạch rừng phòng hộ bảo vệ môi trường được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định 2100/QĐ-UBND ngày 29/5/2008.

c. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã kết nối các điểm dân cư nông thôn:

Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật toàn xã bao gồm hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất và phục vụ đời sống. Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật cần được xây dựng đồng bộ đảm bảo khả năng vận hành, kết nối từ từ trung tâm xã với các vùng lân cận và ngược lại.

d. Khu sản xuất, dịch vụ:

- Quy hoạch xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất phải phù hợp với tiềm năng phát triển sản xuất của xã: tiềm năng đất đai; tiềm năng phát triển nghề; tiềm năng phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, chế biến lương thực, thực phẩm.

- Các khu tiểu thủ công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân phải tuân thủ các quy định về sử dụng đất và môi trường.

- Bố trí các công trình sản xuất theo nguyên tắc: Những cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp không gây độc hại có thể bố trí trong khu ở nhưng không được để nước thải và tiếng ồn gây ô nhiễm; các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất có tác động xấu tới môi trường phải bố trí ngoài khu ở, gần đầu mối giao thông, thành các cụm sản xuất.

6.3. Tổ chức không gian đối với thôn và khu dân cư mới:

a. Yêu cầu tổ chức không gian đối với thôn và khu dân cư mới:

Khi quy hoạch xây dựng mới và mở rộng điểm dân cư nông thôn, ngoài việc tuân thủ các quy định trong QCVN 14:2009/BXD, QCVN 01:2008/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn, còn phải tuân theo các yêu cầu sau:

- Khu đất xây dựng điểm dân cư nông thôn phù hợp với quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn, đảm bảo điều kiện liên hệ thuận tiện trong sinh hoạt và sản xuất của người dân.

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc xây dựng hiện tại với dự kiến phát triển.

- Dẫn lấp đầy những vị trí đất kẹt trong khu dân cư để tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung.

- Đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

- Đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất cho việc xây dựng đồng bộ hệ thống HTKT.

- Đảm bảo yêu cầu cấp, thoát nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường, an toàn phòng, chống cháy nổ.

- Đảm bảo các yêu cầu về an ninh, quốc phòng, du lịch, văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng.

- Chi tiêu sử dụng đất xây dựng cho các điểm dân cư nông thôn phải phù hợp với điều kiện đất đai của địa phương.

- Đất để xây dựng mới và mở rộng điểm dân cư nông thôn bao gồm:

+ Quỹ đất xây dựng nhà ở tái định cư cho những hộ dân có nhà ở hiện trạng thuộc diện phải giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng các chức năng khác theo phương án quy hoạch đề xuất.

+ Quỹ đất xây dựng nhà ở cho những hộ dân tăng thêm do sự gia tăng dân số theo tính toán dự báo của đồ án quy hoạch bao gồm: Các hộ dân tăng thêm trong các thôn do gia tăng dân số tự nhiên và các hộ dân từ nơi khác đến xã do gia tăng dân số cơ học.

+ Quỹ đất dành cho xây dựng mới và mở rộng điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo chi tiêu sử dụng đất đồng thời được lựa chọn tại những vị trí thích hợp tuân thủ quy hoạch không gian tổng thể toàn xã.

b. Định hướng quy hoạch cải tạo điểm dân cư nông thôn hiện hữu:

- Khi tiến hành cải tạo, chỉnh trang điểm dân cư hiện hữu phải đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, khu trung tâm xã, khu xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác (quốc phòng, di tích lịch sử...). Khu vực (theo chức năng) đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại, cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

- Đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện sống của nhân dân trong các điểm dân cư cũ như: Tổ chức lại các không gian chức năng, nâng cấp mạng lưới giao thông và các công trình đầu mối kỹ thuật...

- Rà soát lại sự phân bố dân cư theo quy hoạch đã và đang thực hiện.

- Đề xuất quy hoạch mới khu dân cư phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai hoặc nhu cầu tái định cư khi có yêu cầu thay đổi mục đích sử dụng đất.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng những thửa đất canh tác nhỏ xen lẫn đất thổ cư để có điều kiện hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

c. Định hướng quy hoạch mở rộng, phát triển dân cư mới:

Quy hoạch 2 điểm đất ở mới phục vụ cho việc tái định cư vùng ảnh hưởng khu xử lý rác thải Nam Sơn giai đoạn 1, giai đoạn 2 và vùng ảnh hưởng của nghĩa trang, hỏa táng Bắc Sơn.

- Vị trí 1 tại thôn Nam Lý, Lai Sơn với diện tích khoảng 20 ha.

- Vị trí 2 tại thôn Phúc Xuân, Lương Đình với diện tích khoảng 27,6 ha.

Ngoài ra đối với các khu vực định hướng đất phục vụ cho như cầu địa phương khoảng 14 ha dự kiến để phát triển dân cư mới cho phát triển dân số tăng do tốc độ gia tăng dân số tự nhiên và cơ học của xã.

* *Tổ chức không gian đối với trung tâm xã (thực hiện theo dự án riêng):*

- *Vị trí, quy mô diện tích:* Định hướng đến năm 2030, quy hoạch khu trung tâm xã tỷ lệ 1/500 với quy mô diện tích khoảng 24 ha, có vị trí như sau:

+ Phía Bắc khu dân cư hiện trạng và nghĩa trang thôn Phúc Xuân;

+ Phía Nam giáp đất canh tác và 1 phần khu dân cư thôn Lương Đình;

+ Phía Đông giáp đất canh tác và 1 phần khu dân cư thôn Lương Đình và Phúc Xuân;

+ Phía Tây giáp khu dân cư thôn Tiên Chu.

- *Quy hoạch khu trung tâm xã (thực hiện theo dự án riêng):* Tại khu trung tâm bố trí các công trình quan trọng như: Trụ sở các cơ quan; nhà văn hóa, câu lạc bộ, nhà truyền thống, thư viện, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông trung học, trạm y tế xã, trung tâm văn hoá - thể thao, chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm.

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Giao thông: Hoàn thiện và cải tạo các tuyến đường đã có theo đúng cấp đường; mở rộng thêm một số tuyến đường mới tạo thành mạng lưới giao thông đường bộ; tu bổ các tuyến đường xuống cấp, mở rộng các tuyến đường trong khu dân cư còn hẹp, đảm bảo việc đi lại, vận chuyển của nhân dân được thuận lợi trong tương lai; mở rộng, cứng hóa các tuyến đường nội đồng để đảm bảo cho quá trình vận chuyển phục vụ sản xuất nông nghiệp

7.2. Thủy lợi: Nâng cấp và kiên cố hóa kênh, mương hiện có đảm bảo chủ động tưới tiêu cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp; đảm bảo hệ thống thủy lợi được liên hoàn; cải tạo và nâng cấp hệ thống thoát nước trong khu dân cư nông thôn, đảm bảo các cống, rãnh không bị tắc, nghẽn; phát triển các công trình cấp nước tiên tiến phục vụ và phát triển các cây hoa màu, cây ăn quả,... ở các vùng sản xuất chuyên canh tập trung.

7.3. Cấp điện: Hệ thống trạm biến áp của xã được nâng cấp, quy hoạch mới theo Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2030 (Quyết định số 4720/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của Bộ công thương về việc phê duyệt Hợp phần II: Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110KV của Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2025, có xét đến năm 2035).

7.4. Cấp nước: Nguồn cấp nước chính của xã từ đường trạm cấp nước Bắc Sơn, hiện trạng công suất 500 m³/ngày. Để đảm bảo nhu cấp cấp nước của xã => nâng cấp công suất của trạm cấp nước đến năm 2020 công suất 1.500 m³/ngày. Đến năm 2030 công suất 2.500 m³/ngày.

7.5. Quy hoạch thoát nước:

a. Thoát nước mưa: Dự kiến xây dựng hệ thống cống thoát chung giữa nước mưa và nước thải với chế độ tự chảy. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, nước thải sẽ xử lý riêng đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh trước khi thoát vào hệ thống cống chung.

- Lưu vực và hướng thoát: Phân chia lưu vực thoát nước theo dạng phân tán, tôn trọng hướng thoát theo địa hình hiện trạng.

- Kết cấu tuyến thoát: Bao gồm rãnh hở, cống hộp, cống bê tông tròn và kè trực tiêu chính.

b. Thoát nước thải:

- Để đảm bảo vệ sinh môi trường cho các thôn trong toàn Xã phù hợp với điều kiện xây dựng và khả năng kinh tế, lựa chọn giải pháp xử lý nước thải theo mô hình phân tán trên địa bàn. Tại khu vực khu trung tâm xã sử dụng hệ thống thoát nước chung, nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ tại chỗ được dẫn chung trong cống, mương thoát nước mưa tại các ngõ, xóm.

- Đối với nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình và công trình công cộng sẽ được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Đối với các hộ gia đình chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung sẽ phải có phương án xử lý chất thải chăn nuôi bằng các bể Biogas; cặn lắng sau bể Biogas được đưa đến xử lý tại các điểm xử lý chất thải rắn tập trung.

- Sử dụng các đầm, hồ trong xã làm hồ sinh học để xử lý nước thải sau khi đã làm sạch trong điều kiện tự nhiên.

- Nước thải nhiễm bẩn của các hộ tiểu thủ công nghiệp đều phải được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn vệ sinh (xử lý đạt giới hạn B của TCVN 5945-2005) trước khi xả ra hệ thống thoát nước hoặc sông hồ.

7.6. Điểm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt: Mỗi thôn bố trí 01 điểm tập kết xe gom rác thải sinh hoạt tại vị trí phù hợp về điều kiện vận chuyển, đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường; quy mô phù hợp với số lượng rác thải sinh hoạt theo quy mô dân số theo quy hoạch.

7.7. Nghĩa trang: Hiện tại, tiếp tục sử dụng các nghĩa trang hiện có, có kế hoạch đóng cửa các nghĩa trang phân tán có quy mô nhỏ, không đảm bảo khoảng cách ly an toàn vệ sinh môi trường hoặc không nằm trong quy hoạch sử dụng đất nghĩa trang. Di chuyển các mộ phần đến nghĩa trang tập trung của xã.

Nghĩa trang Bắc Sơn với diện tích 10 ha được thực hiện Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 08/4/2014; Quy hoạch chung xây dựng huyện Sóc Sơn tỷ lệ 1/10.000 được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 (Cộng đồng dân cư trên địa bàn xã không đồng thuận; UBND xã Bắc Sơn đề nghị đưa ra khỏi quy hoạch khi đến kỳ rà soát, điều chỉnh quy hoạch cấp trên).

7.8. Đất có mặt nước chuyên dùng: Đất sông và mặt nước chuyên dùng là đất có mặt nước mà không sử dụng chuyên vào mục đích nuôi trồng thủy sản. Đây cũng là nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, vì vậy cần đảm bảo nguồn nước sạch, không bị ô nhiễm để phục vụ cho đời sống của nhân dân.

8. Tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã theo đồ án quy hoạch chung:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đáp ứng
1	Đất ở	m ² /hộ	- Chỉ tiêu sử dụng đất ≥ 25 m ² /người - Đối với hộ nông nghiệp: ≥ 250m ² /hộ - Đối với hộ phi nông nghiệp: ≥ 100m ² /hộ
2	Trụ sở xã	m ²	- Diện tích đất xây dựng: 7.100 m ²
3	Nhà trẻ, trường mầm non	m ² /trẻ	- Diện tích đất xây dựng: ≥ 52,73m ² /trẻ - Bán kính phục vụ: ≤ 1km
4	Trường tiểu học	m ² /hs	- Diện tích đất xây dựng: ≥ 22.35 m ² /hs; - Bán kính phục vụ: ≤ 1km
5	Trường THCS	m ² /hs	- Diện tích đất xây dựng: ≥ 14,56 m ² /hs - Bán kính phục vụ: 2km
6	Trạm y tế xã	m ²	- Diện tích đất: 7.100 m ²
7	Trung tâm văn hoá- thể thao (bao gồm nhà văn hóa, sân vận động, nhà tập luyện thể thao, câu lạc bộ văn hóa, câu lạc	m ²	- Diện tích đất nhà văn hóa: + Nhà văn hoá xã chung với khuôn viên UBND xã và khu TT xã 3.000 m ² + Nhà văn hoá thôn, xóm: 1000 – 7.300m ² /NVH từng thôn, xóm.

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đáp ứng
	<i>bộ thể thao, hoặc đài truyền thanh)</i>		+ Sân Thể thao thôn, xóm: 3.400 – 10.000m ² /STT từng thôn, xóm.
8	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	m ² /điểm	Diện tích đất xây dựng: 200m ² /điểm
9	Nghĩa trang nhân dân	m ² /mộ	- Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly
10	Điểm trung chuyển rác		- Khoảng cách ly khu dân cư ≥20m
11	Đất hạ tầng		- 149,24 m ² /người

9. Danh mục các dự án ưu tiên theo kỳ kế hoạch:

Để thực hiện có hiệu quả Quy hoạch xây dựng chung của xã Bắc Sơn, trong thời gian tới cần tập trung đầu tư xây dựng một số dự án ưu tiên dưới đây:

- Lập quy hoạch cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường.
- Lập quy hoạch chi tiết trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn tỷ lệ 1/500.
- Lập dự án cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã.
- Lập dự án xây dựng các trường mầm non, các trường tiểu học.
- Lập dự án xây mới trạm y tế xã.
- Lập dự án xây dựng nhà văn hóa xã và khu thể thao xã và các thôn.
- Lập dự án xây phát triển nông nghiệp.
- Lập dự án đấu giá quyền sử dụng đất.
- Lập dự án xây dựng các công trình giao thông nông thôn.
- Thực hiện các dự án khác có trên địa bàn.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Được ban hành kèm theo Quyết định này và là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quản lý và giám sát việc đầu tư xây dựng trên địa bàn xã (đã được Phòng Quản lý Đô thị xác nhận).

11. Tiến độ thực hiện quy hoạch:

Phù hợp với kế hoạch của UBND huyện Sóc Sơn:

- Giai đoạn 2016 - 2025: Thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư.
- Giai đoạn 2025 - 2030: Thực hiện các dự án còn lại.

12. Một số nội dung cần lưu ý:

- Những nội dung ghi tại Phụ lục - Quy định quản lý, Thuyết minh Quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn chỉ được tổ chức thực hiện khi được đồ án quy hoạch cấp trên cập nhật hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép thực hiện.

- Tuyệt đối tuân thủ theo Quy hoạch rừng phòng hộ bảo vệ môi trường được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định 2100/QĐ-UBND ngày 29/5/2008.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Phòng Quản lý đô thị chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ quy hoạch chung xây dựng xã phù hợp với Quyết định này;

- UBND xã Bắc Sơn chịu trách nhiệm tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bắc Sơn theo quy định; Chịu trách nhiệm về công tác quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 9713/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của UBND huyện Sóc Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Bắc Sơn đến năm 2025. Các ông (bà): Chánh

Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thông tin; Giám đốc Ban Quản lý rừng Phòng hộ Đặc dụng; Chủ tịch UBND xã Bắc Sơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Thành ủy Hà Nội;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- BCĐ chương trình 02-Ctr/UB;
- Các sở: QHKT, NN&PTNT, TN&MT, KH&ĐT, TC;
- Văn phòng điều phối NTM Thành phố;
- TT Huyện ủy, TT HĐND Huyện;
- Các Đ/c Phó Chủ tịch UBND Huyện;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Minh

SỐ 2